

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

BÀI GIẢNG

MÔN HỌC/ MÔ ĐUN: Lý thuyết các loại hình nghệ thuật

NGÀNH/NGHỀ: Quản lý văn hóa

(Áp dụng cho Trình độ trung cấp.)

LƯU HÀNH NỘI BỘ
NĂM 2017

LỜI GIỚI THIỆU

Nghệ thuật (tiếng Anh: *art*) là một loạt những hoạt động khác nhau của con người và những sản phẩm do những hoạt động đó tạo ra. Bài viết này chủ yếu tập trung vào các môn nghệ thuật thị giác, bao gồm việc tạo ra những hình ảnh hay vật thể trong những lĩnh vực như hội họa, điêu khắc, đồ họa in ấn, nhiếp ảnh, và những phương tiện truyền thông hình ảnh khác.

Kiến trúc thường được xem là một trong các nghệ thuật thị giác; tuy nhiên, giống như các loại hình nghệ thuật trang trí, nó liên quan đến sự sáng tạo ra các vật thể cho những công dụng cụ thể, một điều hoàn toàn khác với, chẳng hạn, hội họa. Âm nhạc, kịch, điện ảnh, múa, và những môn nghệ thuật trình diễn khác, cũng như văn chương, và những phương tiện truyền thông tương tác, được bao gồm trong một định nghĩa rộng hơn về nghệ thuật, gọi chung là các môn nghệ thuật.^[1]

Cho đến thế kỷ 17, nghệ thuật được dùng để chỉ bất kỳ kỹ năng hay sự thông thạo nào, và không phân biệt khỏi các môn thủ công mỹ nghệ hay các ngành khoa học, như y học cũng được coi là một nghệ thuật. Trong thời hiện đại, ở các loại hình mỹ thuật, nơi cực kỳ chú trọng đến khía cạnh thẩm mỹ, được phân biệt hẳn khỏi những kỹ năng có được nói chung, chẳng hạn như với các loại hình nghệ thuật trang trí hay nghệ thuật ứng dụng.

Những đặc trưng của nghệ thuật có thể được mô tả bởi sự bất chước (phản ánh cuộc sống), sự thể hiện, trao truyền cảm xúc, và những phẩm chất khác. Trong suốt thời kỳ chủ nghĩa lãng mạn, nghệ thuật được xem là "một lĩnh vực đặc biệt của tâm thức con người, giống như tôn giáo và khoa học".^[2] Mặc dù không có một định nghĩa thống nhất về nghệ thuật,^{[3][4][5]} và cách nhìn về nó cũng thay đổi theo thời gian, những mô tả chung về nghệ thuật đề cập đến ý tưởng về một kỹ năng kỹ thuật hay trí tưởng tượng bắt nguồn từ khả năng tác động của con người^[6] và sự sáng tạo.^[7]

MỤC LỤC

	TRANG
1. Lời giới thiệu	02
2. Chương 1: Nghệ thuật tạo hình	04
3. Chương 2:Đại cương nghệ thuật múa	13
4.Chương 3: Nghệ thuật sân khấu	24
5. Chương 4:Văn học .	26
6. Chương 5:Âm nhạc	27
7.Chương 6:Điện ảnh	28

Chương 1: Nghệ thuật tạo hình

1. Mục tiêu: Học xong chương học sinh nắm được những kiến thức về khái niệm, đặc tính cơ bản và những thành tố kết cấu nên chương trình nghệ thuật cùng với cách thức phân loại các chương trình nghệ thuật

2. Nội dung của chương

Bài 1: Đặc trưng ngôn ngữ mỹ thuật

1. Kênh thông tin thị giác

Thị giác là khả năng nhận và diễn giải thông tin từ ánh sáng đi vào mắt. Việc tri giác này còn được gọi là **thị lực, sự nhìn**. Những bộ phận khác nhau cấu thành thị giác được xem như là một tổng thể như là hệ thị giác và được tập trung nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau như tâm lý, khoa học nhận thức, khoa học thần kinh và sinh học phân tử.

2. Các yếu tố ngôn ngữ tạo hình

Các yếu tố tạo hình, hay còn gọi là ngôn ngữ tạo hình, là kiến thức cơ bản nhất và quan trọng nhất với tất cả những ai làm việc trong lĩnh vực mỹ thuật thị giác như hội họa, nội thất, đồ mộc, nhiếp ảnh, tạo cảnh, kiến trúc, ... Hiểu được các yếu tố này, những gì bạn sáng tạo ra sẽ trở thành những tác phẩm chuyên nghiệp và phong phú đa dạng vô cùng.

Một thiết kế là một tác phẩm được cảm thụ bằng mắt mà trong đó thể hiện 1 ý tưởng nghệ thuật được mô tả từ 7 thành phần cơ bản. Đó là **đường nét – mảng miếng – hình khối – màu sắc – sắc độ – kết cấu chất liệu và không gian**.

3. Đặc trưng ngôn ngữ hội họa, điêu khắc

Hội họa là nghệ thuật không gian mặt phẳng – tìm không gian ba chiều trên mặt phẳng. Tuy chỉ ghi được một khoảnh khắc của hành động; song nó vẫn có khả năng thể hiện được ý nghĩa của cử chỉ; động tác của đối tượng và nó cũng thể hiện được hình khối của đối tượng dưới những hình thức cụ thể khác nhau. Khi cảm thụ tác phẩm hội họa chúng ta vẫn có cảm giác được chiều sâu; độ gần xa về khoảng cách của bố cục theo tiêu điểm; diện về mặt đường nét; màu sắc của đối tượng phản ánh; thậm chí cả cảm giác được cái sinh động; sống động như thật của đối tượng.

Trong hội họa đường nét; màu sắc là ngôn ngữ đặc trưng của hội họa. Hội họa có ưu thế đặc biệt trong việc phản ánh thế giới với mọi màu sắc phong phú; tinh tế của nó và hòa sắc của tác phẩm làm cho nó có sức biểu hiện sâu sắc; tế nhị về tình cảm. Ánh sáng; bóng tối và sự kết hợp uyển chuyển giữa các đường nét; màu sắc với các thủ pháp xa – gần (khoảng cách phù hợp) của hội họa tạo ra cảm giác không gian ba chiều. Khả năng tạo hình của hội họa có ý nghĩa rất lớn; nó nói lên được tư tưởng và tình cảm con người trên mọi cung bậc và sắc thái khác nhau.

Song hội họa chỉ có thể gợi lên quá trình phát triển của các biến cố trong phạm vi những khoảnh khắc mà nó thể hiện chứ không miêu tả được đầy đủ quá trình phát triển sinh động của hiện thực như văn chương; điện ảnh; hoặc sân khấu.

Về thể loại hội họa có *tranh trên giá; tranh hoành tráng; tranh chân dung; tranh phong cảnh; tranh “bố cục”; tranh tĩnh vật...*

4. Đặc trưng ngôn ngữ đồ họa

Đồ họa là một lĩnh vực truyền thông trong đó thông điệp được tiếp nhận qua con đường thị giác. Thiết kế đồ họa là tạo ra các giải pháp bằng hình ảnh cho các vấn đề truyền thông.

- Đồ họa độc lập (Đồ họa giá vẽ)
- Đồ họa in ấn
- Đồ họa máy tính

Ở Việt Nam, việc dùng các thuật ngữ đồ họa chỉ là tương đối, bởi việc đặt tên các thuật ngữ đồ họa là dựa trên ý nghĩa sử dụng của nó. Ví dụ: đồ họa thương nghiệp, đồ họa vẽ tem, đồ họa quảng cáo vân vân... Và thiết kế đồ họa thực sự là gì vẫn đang còn là vấn đề tranh cãi. Một số trường đại học vẫn theo quan điểm đào tạo đồ họa là trang trí gần với hội họa, một số các trung tâm đào tạo về sử dụng phần mềm đồ họa coi đồ họa là một phần của tin học và một số trường lại tiếp nhận quan điểm của phương Tây coi đồ họa và một lĩnh vực truyền thông.

Trong mỹ thuật công nghiệp

Trong mỹ thuật công nghiệp, đồ họa là môn xử lý hình ảnh trên ngôn ngữ tạo hình là tín hiệu số, qua các thiết bị như máy tính, máy ảnh số, máy quay phim số. Từ các yếu tố có thể bố cục tạo hình trên máy tính, người ta tạo ra một bố cục cân đối hoàn chỉnh.

Kèm theo ngành này là chế bản, 2 môn này đan xen và kết hợp với nhau.

Các ứng dụng của đồ họa là quảng cáo công nghiệp, thiết kế công nghiệp...

Bài 2: Chất liệu đồ họa, điêu khắc, đồ họa

1. Chất liệu hội họa

Thể loại này gồm 3 thể loại con sau, trên tổng số 3 thể loại con.

- ► Sơn dầu (1 tr.)
- ► Sơn mài (3 tr.)
- ► Tranh lụa (1 tr.)
- Màu nước

- Men trộn màu
- Sơn dầu
- Sơn mài
- Tranh lụa

1.1. Chất liệu sơn mài

Sơn mài được coi là một trong các chất liệu hội họa ở Việt Nam. Đây là sự tìm tòi và phát triển kỹ thuật của nghề sơn (nghề sơn ta) thủ công truyền thống của Việt Nam thành kỹ thuật sơn mài. Tuy nhiên, từ dùng để gọi sơn mài (tiếng Anh: *lacquer*) thường được hiểu sang các đồ dùng sơn mỹ nghệ của Nhật, Trung Quốc. Kỹ thuật mài là điểm khác biệt lớn giữa đồ thủ công sơn mỹ nghệ và tranh sơn mài Việt Nam.

Tranh sơn mài sử dụng các vật liệu màu truyền thống của nghề sơn như sơn then, sơn cánh gián làm chất kết dính, cùng các loại sơn, bạc thếp, vàng thếp, vỏ trai, v.v. vẽ trên nền vóc màu đen. Đầu thập niên 1930, những họa sĩ Việt Nam đầu tiên học tại trường Mỹ thuật Đông Dương đã tìm tòi phát hiện thêm các vật liệu màu khác như vỏ trứng, ốc, cật tre, v.v. và đặc biệt đưa kỹ thuật mài vào tạo nên kỹ thuật sơn mài độc đáo để sáng tác những bức tranh sơn mài thực sự. Thuật ngữ **sơn mài** và tranh sơn mài cũng xuất hiện từ đó. Tranh có thể được vẽ rồi mài nhiều lần tới khi đạt hiệu quả mà họa sĩ mong muốn. Sau cùng là đánh bóng tranh.

Người ta thường lưu ý rằng sơn mài có những điểm "ngược đời": muốn lớp sơn vừa vẽ khô, tranh phải ủ trong tủ ủ kín gió và có độ ẩm cao. Muốn nhìn thấy tranh lại phải mài mòn đi mới thấy hình.

Hầu hết họa sĩ đồng ý rằng: kỹ thuật vẽ sơn mài khó và có tính ngẫu nhiên nên nhiều khi các họa sĩ dày dặn kinh nghiệm cũng bất ngờ trước một hiệu quả đạt được sau khi mài tranh.

Một sản phẩm sơn mài sử dụng khá nhiều nguyên liệu: đó là sơn, màu và các nguyên liệu khác. Có thể kể ra đây một vài nguyên liệu phổ biến như:

- Sơn: khai thác từ cây sơn ta, ngoài ra còn dùng dầu trẩu, dầu trám, nhựa thông và nhựa dó...
- Màu: sơn mài cổ truyền dùng 2 màu cơ bản là cánh gián đen và đỏ, loại màu chế từ khoáng chất vô cơ (ví dụ: son) nên không bị phân huỷ trước ánh sáng và thời gian.
- Các sản phẩm từ bạc như bạc thếp, bạc dán, bạc xay, bạc dầm...
- Các sản phẩm từ vàng như vàng thếp...
- Các vật liệu khác: vỏ trứng, vỏ trai, vỏ ốc, bột điệp...

- Ngày nay, người ta đã chế tạo thành công các loại sơn công nghiệp có thể thay thế các loại sơn mài cổ truyền do có nhiều ưu điểm, nhất là dễ dàng trong sản xuất tranh và màu sắc thì vô cùng phong phú.

1.2. Chất liệu sơn dầu, lụa, thuốc nước

Sơn dầu (Oil Paint) hay **màu dầu** là một loại **họa phẩm** bao gồm các sắc tố màu (pigment) thường có dạng bột khô được nghiền kỹ với dầu hạt lanh. Chất lượng của sơn dầu thay đổi dựa trên chất lượng, mức độ mịn của sắc tố màu được sử dụng và môi trường sử dụng.

Do vậy, **thành phần của sơn dầu** chính bao gồm: sắc tố màu (dạng bột khô) + dầu lanh/dầu củ túc hoặc dầu óc chó.

Bạn có thể làm cho sơn dầu lỏng hơn bằng cách pha trộn với nhiều dầu hơn hoặc thêm một dung môi nào đó. Tuy nhiên, bạn cần phải có kiến thức chuyên môn nếu không muốn sơn dầu bị hỏng bởi những phản ứng hóa học giữa các chất màu. Thường thì sơn dầu ở dạng ổn định nhất của nó khi ở trong ống màu và bạn không nên pha chế gì thêm nếu không có kiến thức gì.

Sơn dầu vẽ tranh không thấm nước và có độ dẻo cũng như độ che phủ mạnh. Sơn dầu có thể dễ dàng phủ lên các màu sơn khác.

2. Chất liệu điêu khắc, đồ họa

Điêu khắc là gì?

Điêu khắc là nghệ thuật tạo hình bằng khối nổi và chìm, đặc và rỗng trong không gian 3 chiều (ngang, dọc, sâu); riêng điêu khắc đương đại khai thác thêm chiều thứ tư là thời gian. Điêu khắc có thể để màu tự thân của gỗ, đá, đất nung... hoặc cũng có thể phủ màu từ đơn sắc (sơn son) đến tô vẽ hay trộn, đúc tự do đủ màu.

**** Lược sử điêu khắc?***

Xuất hiện ngay từ buổi bình minh lịch sử của nhân loại, khi con người còn chưa biết dựng nhà và đang săn bắt – hái lượm. Người nguyên thủy đã làm những bức tượng sơ khai bằng cách nặn đất, gọt sừng – xương – ngà voi, dẻo và mài đá... Pho tượng cổ nhất của nhân loại được tìm thấy và hiện còn lưu giữ là tượng *Con voi mammut*, phát hiện ở Lonetal (Đức), tạc từ ngà voi, cao 3,7cm, có niên đại khoảng 33.000 năm trCN, tức là cách ngày nay 35.000 năm. Có hai pho tượng cổ thứ nhì là tượng *Người đội lốt sư tử*, tạc từ ngà voi mamút, cao 28cm và tượng *Vệ nữ Galgenberg*, đều khai quật tại Đức, với niên đại khoảng 28.000 năm trCN, tức là cách ngày nay 30.000 năm. Tiếp sau đó là các bức tượng *Vệ nữ Willendorf*, tạc đá, cao 11cm, khai quật tại nước Áo, 25.000 năm trCN... Chắc chắn đó là những pho

tượng hoàn toàn chế tác bằng phương pháp thủ công với các kỹ thuật thô sơ nhất: gọt, đục, mài bằng các loại dao đá (thuở ấy, con người đang còn ở thời kỳ đồ đá, chưa thể có công cụ bằng đồng hay sắt). Về **mục đích**, đáng chú ý là người nguyên thủy không có ý định làm tượng **vì cái đẹp**, họ định thờ cúng *Nữ thần Mẹ* với chức năng sinh sản hoặc định bùa chú để khuất phục sức mạnh của mãnh thú, phục vụ cho mục đích săn bắn.

*** Từ thời Cổ đại đến Trung cổ**

Điều khắc rất phát triển ở các nền văn minh lớn như Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp, La Mã. Do được các nhà nước cổ đại và trung cổ hoặc tôn giáo đứng ra huy động nhân công, tổ chức sản xuất, tận dụng năng lực tối đa của mọi nghệ nhân, nghệ sĩ nên điêu khắc đã có bước phát triển nhảy vọt, dựng được những pho tượng kỳ vĩ trong lịch sử nhân loại (tượng Sphinx – Nhân sư cao 20m, dài 57m ở Ai Cập, tượng Phật ngồi cao 71m ở Trung Quốc, tượng Phật đứng cao 53m ở Ápganixtan, tượng thần Zeux cao 13m, lối gỗ ốp ngà voi – 1 trong 7 kỳ quan thế giới cổ đại...). Đặc biệt điêu khắc Hy Lạp – La Mã cổ đại đã biết ứng dụng những thành tựu sơ khởi của khoa học: giải phẫu tạo hình, tỷ lệ đầu, kết cấu tượng có điểm tựa và điểm chống, quy hoạch cùng kiến trúc...

*** Thời Phục hưng (các thế kỷ 14, 15, 16) tại Châu Âu**

Điều khắc phát triển nhảy vọt vì được bảo trợ và đặt hàng đặc biệt ưu ái của các triều đại và các quý tộc. Thời kỳ này xuất hiện các thiên tài điêu khắc như Verrocchio, Donatello, nhất là Michelangelo. Khá nhiều tác phẩm điêu khắc tầm cỡ Tuyệt tác của nhân loại đã ra đời (tượng David, tượng thánh Moise... của Michelangelo).

*** Thời Hiện đại**

Điều khắc phát triển toàn diện ở các nước Âu – Mỹ và một số nước tiên tiến trên thế giới: luôn có vị trí thích đáng trong các quy hoạch thành phố, công viên, quảng trường, được sự trợ giúp tối ưu của khoa học – kỹ thuật hiện đại và công nghiệp hóa trên cơ sở kế thừa tốt đẹp những tinh hoa của mọi nền điêu khắc trên thế giới. Điêu khắc cũng trở thành môn học cơ bản trong tất cả các trường Mỹ thuật, dù rất ít môn sinh.

*** Ba xu hướng lớn của điêu khắc trên thế giới**

- *Điêu khắc Âu – Mỹ*: hiện phát triển nhất vì có nền tảng khoa học vững chắc, có tính kế thừa cao độ, luôn theo kịp thời đại và luôn sẵn sàng hiện đại hóa, công nghiệp hóa.
- *Điêu khắc châu Á*: có nguồn gốc từ cổ đại, có tính trang trí, uyển chuyển, hướng tới tài khéo, tinh vi, hiện đang chịu ảnh hưởng mạnh từ Điêu khắc Âu – Mỹ.

- *Điều khắc châu Phi đen và thổ dân châu Đại Dương*: đậm đặc chất nguyên sơ, bản năng, tính biểu cảm mạnh mẽ, táo bạo; phát sinh từ những tộc người chậm phát triển nhưng xu hướng điều khắc này không hề lạc hậu, trái lại mang đến nhiều bài học lý thú cho sáng tạo điều khắc hiện đại.

*** *Lược sử điều khắc của người Việt*:**

Ở Việt Nam điều khắc xuất hiện ngay từ buổi bình minh của lịch sử, trong các nền văn hoá khảo cổ như Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun, Đông Sơn ở miền Bắc; Sa Huỳnh ở miền Trung hay Óc Eo ở Nam Bộ. Đó thường là những bức tượng cỡ rất nhỏ bằng đá, đất nung và đồng.

Thế rồi hơn 1000 năm Bắc thuộc đã làm gián đoạn tiến trình nghệ thuật Việt nói chung và điều khắc Việt nói riêng trên địa bàn miền Bắc Việt Nam. Trong khi ấy điều khắc vẫn tiếp tục phát triển ở miền Trung với Chăm-pa và ở Nam Bộ với Phù Nam rồi Chân Lạp. Phải chờ đến kỷ nguyên độc lập phong kiến kể từ các triều đại Đinh – Tiền Lê – Lý cho tới Lê – Trịnh và Nguyễn, điều khắc của người Việt mới phát triển bền vững, lan tỏa rộng và vươn tới đỉnh cao điều khắc cổ điển của dân tộc.

Căn cứ vào lịch sử, có thể tạm phân loại điều khắc ở Việt Nam như sau:

- Điều khắc Đại Việt ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ với các nền điều khắc chính: Điều khắc thời Lý (1009-1225), Điều khắc thời Trần – Hồ (1225-1407), Điều khắc thời Lê sơ (1428-1527), Điều khắc thời Mạc (1527-1592), Điều khắc thời Lê – Trịnh và Tây Sơn (1592-1802).

- Điều khắc Chăm-pa ở Trung và Nam Trung Bộ (192-TK 17).

- Điều khắc Phù Nam và Chân Lạp ở Nam Bộ (từ TK 1 trCN đến TK17).

- Điều khắc nhà mồ của các bộ tộc Tây Nguyên.

- Riêng Điều khắc thời Nguyễn định hình ở Trung và Nam Trung Bộ khi triều đại này còn cát cứ ở đó (TK 17 đến hết TK 18) rồi bao trùm khắp nước khi nhà Nguyễn thống nhất quốc gia (kể từ 1802).

Cũng có thể căn cứ vào hình loại để phân chia điều khắc Việt Nam như sau:

- Điều khắc Nguyên thủy: xuất hiện sớm nhất trong các văn hoá khảo cổ khắp 3 miền, điển hình là Đông Sơn, Sa Huỳnh và Óc Eo, kích cỡ rất nhỏ (mini) với các chất liệu đá, đất nung, đồng.

- Điều khắc Tôn giáo gồm: Phật giáo và các tượng Phật và phù điêu trong các chùa tháp cổ; Ấn Độ giáo với các tượng thần và linh vật trong các đền tháp Chăm-pa – Phù Nam – Khmer; Nho giáo và Đạo giáo trong các đình – đền – quán – miếu.

- Điều khắc Nguyên sơ của các sắc tộc bản địa trên các vùng núi cao như tượng nhà mồ Tây Nguyên hay mặt nạ gỗ của một số dân tộc khác ở miền Trung và miền Bắc.

Nếu phân vùng theo cách nhìn địa – văn hóa, ta sẽ có: Vùng ảnh hưởng Ấn Độ giáo và Phật giáo nguyên thủy ở Trung và Nam Bộ với ranh giới xa nhất về phía Bắc là đèo Ngang, tạo nên các đặc trưng điêu khắc Chăm-pa, Phù Nam và Khmer Nam Bộ. Vùng ảnh hưởng của tam giáo (Nho, Lão, Phật giáo đại thừa Bắc phái) đến từ Trung Quốc trước thế kỷ 16 chủ yếu ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ rồi sau đó dần dần bao trùm khắp nước.

Điều khắc cung đình trong các lâu đài, thành quách hay các công trình do vua chúa cho xây dựng dù mỹ lệ, tinh tế và hướng tới trau chuốt, hoàn chỉnh nhưng lại bị tàn phá rất nhiều bởi chiến tranh. Ngược lại, điều khắc dân gian dù thô sơ, dân dã nhưng lan tỏa khắp các làng xã và được dân làng bảo vệ, duy tu khá tốt trong các cụm đình, chùa, đền, miếu... cũng như các sản phẩm điêu khắc trong các kiến trúc nhà cửa, đồ thờ, công cụ và vật dụng. Trước khi xuất hiện sáng tạo của các nghệ sĩ trường Mỹ thuật Đông Dương (từ 1925), có thể nói Điều khắc Việt Nam đậm chất dân gian.

*** *Ngôn ngữ và chất liệu điêu khắc:***

- *Ngôn ngữ của điêu khắc:* khối (đặc và rộng, nổi và chìm) và mảng.

- *Các chất liệu của điêu khắc:*

+ Chất liệu cổ điển: đất nung – gốm – sứ, gỗ, ngà – xương, đá, đồng.

+ Chất liệu hiện đại: sắt, thép, gang, nhôm, inox, thủy tinh, nylon, sáp, sa mốt, xi măng, bê tông...

+ Chất liệu đương đại: ánh sáng, âm thanh, chuyển động...

+ Chất liệu trung gian: (có tính tạm thời, trước khi chuyển sang chất liệu chính thức): thạch cao, composit...

*** *Một số loại hình điêu khắc:***

- *Phù điêu (Chạm nổi, đắp nổi):* cao, thấp, chìm, thủng, lõng, bong – kênh.

- *Tượng tròn:* chân dung, bán thân, toàn thân, nhóm, tượng vườn, tượng trang trí.

- *Tượng đài:* Là tượng tưởng niệm nhân vật lịch sử hoặc một sự kiện lịch sử. Hình thức tượng đài thường rất đồ sộ, chiếm không gian rộng lớn, có nội dung chính trị, lịch sử hay huyền thoại. Tầm cỡ và quy mô quốc gia hay thậm chí quốc tế; tối thiểu là cấp tỉnh, huyện hay vùng. Không có tượng đài tư nhân.